

Phụ lục 1

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN DVCTT TOÀN TRÌNH TRÊN HỆ THỐNG
THÔNG TIN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU ĐỀ NGHỊ TÍCH HỢP,
CUNG CẤP TRÊN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số /UBND-VP ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vung Tàu)

I. MỤC LỤC

1. Sở Xây dựng: 05 TTHC cấp tỉnh
 2. Sở Khoa học và công nghệ: 08 TTHC cấp tỉnh
 3. Sở Tài nguyên và Môi trường: 02 TTHC cấp tỉnh
- Tổng cộng: 15 TTHC cấp tỉnh**

PHẦN II: DANH MỤC TTHC CỦA CÁC CƠ QUAN**1. Sở Xây dựng: 05 TTHC cấp tỉnh**

STT	TÊN TTHC (DVCTT)	MÃ SỐ TTHC (DVCTT)	LĨNH VỰC
1	Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh	1.009788.000.00.00.H06	Quản lý chất lượng công trình xây dựng
2	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	1.009791.000.00.00.H06	Quản lý chất lượng công trình xây dựng
3	Thủ tục gia hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam cho cá nhân, tổ chức nước ngoài	1.007748.000.00.00.H06	Nhà ở và công sở
4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (còn thời hạn nhưng bị mất hoặc hư)	1.011708.000.00.00.H06	Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

STT	TÊN TTHC (DVCTT)	MÃ SỐ TTHC (DVCTT)	LĨNH VỰC
	hông hoặc bị ghi sai thông tin hoặc tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng xin dừng thực hiện một số chỉ tiêu trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)		
5	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa chỉ, tên của tổ chức trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đã được cấp)	1.011710.000.00.00.H06	Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

2. Sở Khoa học và công nghệ: 08 TTHC cấp tỉnh

STT	TÊN TTHC (DVCTT)	MÃ SỐ TTHC (DVCTT)	LĨNH VỰC
1	Thủ tục cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	2.001501.000.00.00.H06	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
2	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)	2.001483.000.00.00.H06	Sở hữu trí tuệ
3	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	1.001770.000.00.00.H06	Hoạt động khoa học và công nghệ
4	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	1.001747.000.00.00.H06	Hoạt động khoa học và công nghệ
5	Cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	1.001693.000.00.00.H06	Hoạt động khoa học và công nghệ
6	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	1.001677.000.00.00.H06	Hoạt động khoa học và công nghệ

7	Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	2.001525.000.00.00.H06	Hoạt động khoa học và công nghệ
8	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	2.002548.000.00.00.H06	Hoạt động khoa học và công nghệ

3. Sở Tài nguyên và Môi trường: 02 TTHC cấp tỉnh

STT	TÊN TTHC (DVCTT)	MÃ SỐ TTHC (DVCTT)	LĨNH VỰC
1	Thẩm định phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp	2.000962.000.00.00.H06	Đất đai
2	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	1.011671.000.00.00.H06	Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý

Phụ lục 2**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN DVCTT MỘT PHẦN TRÊN HỆ THỐNG THÔNG TIN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU ĐỀ NGHỊ TÍCH HỢP, CUNG CẤP TRÊN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA NĂM 2023***(Kèm theo Quyết định số /UBND-VP ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vung Tàu)***I. MỤC LỤC**

1. Sở Xây dựng: 17 TTHC (cấp tỉnh: 13, cấp huyện: 04)
 2. Sở Giao thông vận tải: 62 TTHC cấp tỉnh
 3. Sở Khoa học và Công nghệ: 02 TTHC cấp tỉnh
 4. Sở Tài nguyên và Môi trường: 89 TTHC (cấp tỉnh: 64, cấp huyện: 22, cấp xã: 03)
 5. Sở Nội vụ: 24 TTHC (cấp tỉnh: 15, cấp huyện: 09)
- Tổng: 194 TTHC (cấp tỉnh: 156 TTHC, cấp huyện: 35 TTHC, cấp xã: 03 TTHC)**

PHẦN II: DANH MỤC TTHC CỦA CÁC CƠ QUAN**1. Sở Xây dựng: 17 TTHC (cấp tỉnh: 13, cấp huyện: 04)****a) Cấp tỉnh: 13 TTHC**

STT	TÊN TTHC (DVCTT)	MÃ SỐ TTHC (DVCTT)	LĨNH VỰC	LÝ DO KHÔNG CUNG CẤP DVCTT TOÀN TRÌNH
1	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do Thủ tướng Chính phủ quyết định việc đầu tư	1.010746.000.00.00.H06	Kinh doanh bất động sản	- Thành phần hồ sơ yêu cầu xuất trình bản chính để đối chiếu, ngoài ra còn có bản vẽ khổ lớn; - Trong quá trình giải quyết hồ sơ cần tổ chức hoặc lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan để rà soát căn cứ pháp lý.
2	Cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước	1.007764.000.00.00.H06	Nhà ở và công sở	- Thành phần hồ sơ yêu cầu xác nhận của UBND cấp xã; - Trong quá trình giải quyết trong trường hợp cần thiết phải thành lập Hội đồng xét duyệt.

STT	TÊN TTHC (DVCTT)	MÃ SỐ TTHC (DVCTT)	LĨNH VỰC	LÝ DO KHÔNG CUNG CẤP DVCTT TOÀN TRÌNH
3	Cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	1.007766.000.00.00.H06	Nhà ở và công sở	- Thành phần hồ sơ yêu cầu xác nhận của UBND cấp xã; - Trong quá trình giải quyết trong trường hợp cần thiết phải thành lập Hội đồng xét duyệt.
4	Bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	1.007767.000.00.00.H06	Nhà ở và công sở	- Thành phần hồ sơ yêu cầu xác nhận của UBND cấp xã; - Trong quá trình giải quyết trong trường hợp cần thiết phải thành lập Hội đồng xét duyệt.
5	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	1.003011.000.00.00.H06	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	- Thành phần hồ sơ có bản vẽ khổ lớn, ngoài ra, cơ quan thẩm định và cơ quan phê duyệt còn phải ký, đóng dấu trực tiếp lên bản vẽ
6	Công nhận hạng/công nhận lại hạng nhà chung cư	1.006873.000.00.00.H06	Nhà ở và công sở	- Thành phần hồ sơ yêu cầu bản vẽ khổ lớn; - Sở Xây dựng tổ chức kiểm tra, thẩm định hồ sơ và kiểm tra thực tế nhà chung cư.
7	Công nhận điều chỉnh hạng nhà chung cư	1.006876.000.00.00.H06	Nhà ở và công sở	Sở Xây dựng tổ chức kiểm tra, thẩm định hồ sơ và kiểm tra thực tế nhà chung cư; ngoài ra, khi ban hành Quyết định công nhận điều chỉnh hạng nhà chung cư phải thu hồi bản gốc Quyết định công nhận hạng nhà chung cư đang còn thời hạn.
8	Cho thuê nhà ở sinh viên thuộc sở hữu nhà nước	1.007765.000.00.00.H06	Nhà ở và công sở	- Sinh viên nộp hồ sơ tại cơ sở giáo dục, đào tạo hoặc nộp tại đơn vị quản lý, vận hành nhà ở sau khi có xác nhận của cơ sở giáo dục, đào tạo;
9	Thủ tục xác nhận vật tư, thiết bị là hàng hóa nhập khẩu phục vụ dự án chế tạo thiết bị sản xuất vật liệu xây không nung nhẹ và sản xuất gạch xi măng - cốt liệu công suất từ 10 triệu	1.011729.H06	Hải quan	- Thành phần hồ sơ yêu cầu bản chụp có chức thực hoặc bản chụp xuất trình bản chiếu để đối chiếu (Hợp đồng nhập khẩu)

STT	TÊN TTHC (DVCTT)	MÃ SỐ TTHC (DVCTT)	LĨNH VỰC	LÝ DO KHÔNG CUNG CẤP DVCTT TOÀN TRÌNH
	viên quy tiêu chuẩn/năm trở lên thuộc Nhóm 98.22.			
10	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp: Cấp lần đầu hoặc Giấy chứng nhận hết hạn mà tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng có nhu cầu tiếp tục hoạt động)	1.011705.000.00.00.H06	Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng	- Quá trình thực hiện phải tổ chức đoàn đánh giá thực tế tại phòng thí nghiệm
11	Bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa điểm đặt phòng thí nghiệm hoặc thay đổi, bổ sung, sửa đổi chỉ tiêu thí nghiệm, tiêu chuẩn thí nghiệm trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)	1.011711.000.00.00.H06	Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng	- Quá trình thực hiện phải tổ chức đoàn đánh giá thực tế tại phòng thí nghiệm
12	Miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương	1.011675.000.00.00.H06	Giám định tư pháp	Khi thực hiện TTHC phải thu lại bản chính thẻ giám định viên tư pháp xây dựng
13	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương	2.001116.000.00.00.H06	Giám định tư pháp	Thẻ giám định viên tư pháp được in từ phôi mẫu theo quy định của Bộ Tư pháp và ký, đóng dấu trực tiếp lên thẻ

b) Cấp huyện: 04 TTHC

STT	TÊN TTHC (DVCTT)	MÃ SỐ TTHC (DVCTT)	LĨNH VỰC	LÝ DO KHÔNG CUNG CẤP DVCTT TOÀN TRÌNH
1	Thủ tục thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	1.002662.000.00.00.H06	Quy hoạch xây dựng, Kiến trúc	- Thành phần hồ sơ có bản vẽ khổ lớn, ngoài ra, cơ quan thẩm định và cơ quan phê duyệt còn phải ký, đóng dấu trực tiếp lên bản vẽ; - Trong quá trình giải quyết đôi khi phải tổ chức khảo sát thực tế, ngoài ra còn phải tổ chức họp Hội đồng thẩm định
2	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	1.003141.000.00.00.H06	Quy hoạch xây dựng, Kiến trúc	- Thành phần hồ sơ có bản vẽ khổ lớn, ngoài ra, cơ quan thẩm định và cơ quan phê duyệt còn phải ký, đóng dấu trực tiếp lên bản vẽ; - Trong quá trình giải quyết đôi khi phải tổ chức khảo sát thực tế, ngoài ra còn phải tổ chức họp Hội đồng thẩm định
3	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Trường hợp được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp)	1.009992.000.00.00.H06	Hoạt động xây dựng	- Thành phần hồ sơ có bản vẽ khổ lớn, ngoài ra, cơ quan thẩm định phải ký, đóng dấu trực tiếp lên bản vẽ
4	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (Trường hợp được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp)	1.009993.000.00.00.H06	Hoạt động xây dựng	- Thành phần hồ sơ có bản vẽ khổ lớn, ngoài ra, cơ quan thẩm định phải ký, đóng dấu trực tiếp lên bản vẽ

2. Sở Giao thông vận tải: 62 TTHC cấp tỉnh

STT	TÊN TTHC	MÃ SỐ TTHC	LĨNH VỰC	LÝ DO KHÔNG CUNG CẤP DVCTT TOÀN TRÌNH
1	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	1.000703.000.00.00.H06	Đường bộ	In và ký trực tiếp theo quy định.
2	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng	2.002286.000.00.00.H06	Đường bộ	In và ký trực tiếp theo quy định.
3	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng	2.002287.000.00.00.H06	Đường bộ	In và ký trực tiếp theo quy định.
4	Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)	2.002288.000.00.00.H06	Đường bộ	In phôi và mã vạch

5	Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)	2.002289.000.00.00.H06	Đường bộ	In phôi và mã vạch
6	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe ô tô	1.001777.000.00.00.H06	Đường bộ	In và ký trực tiếp theo quy định.
7	Cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động	1.004995.000.00.00.H06	Đường bộ	In và ký trực tiếp theo quy định.
8	Cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động	1.004987.000.00.00.H06	Đường bộ	In và ký trực tiếp theo quy định.
9	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác	1.000660.000.00.00.H06	Đường bộ	Đi kiểm tra và có biên bản kiểm tra
10	Công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác	1.000672.000.00.00.H06	Đường bộ	Đi kiểm tra và có biên bản kiểm tra
11	Công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác	1.002889.000.00.00.H06	Đường bộ	Đi kiểm tra và có biên bản kiểm tra
12	Công bố lại đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác	1.002883.000.00.00.H06	Đường bộ	Đi kiểm tra và có biên bản kiểm tra
13	Cấp Giấy phép xe tập lái	1.001735.000.00.00.H06	Đường bộ	In và ký trực tiếp theo quy định.
14	Cấp lại Giấy phép xe tập lái	1.001751.000.00.00.H06	Đường bộ	In và ký trực tiếp theo quy định.
15	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	1.001765.000.00.00.H06	Đường bộ	In và ký trực tiếp theo quy định.
16	Phê duyệt phương án tổ chức giao thông trên đường cao tốc	1.002798.000.00.00.H06	Đường bộ	Nộp hồ sơ trực tiếp.
17	Công bố đưa công trình đường cao tốc vào khai thác	1.002556.000.00.00.H06	Đường bộ	Nộp hồ sơ trực tiếp.
18	Cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết	2.001919.000.00.00.H06	Đường bộ	Bản vẽ khổ A4 – A0

	cầu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác			
19	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo	1.001623.000.00.00.H06	Đường bộ	In và ký trực tiếp theo quy định.
20	Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối vào quốc lộ	1.001046.000.00.00.H06	Đường bộ	Cung cấp bản sao và bản chính để đối chiếu.
21	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	1.002856.000.00.00.H06	Đường bộ	In và ký trực tiếp theo quy định.
22	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	1.002852.000.00.00.H06	Đường bộ	In và ký trực tiếp theo quy định.
23	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	1.001023.000.00.00.H06	Đường bộ	In và ký trực tiếp theo quy định.
24	Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải	2.001963.000.00.00.H06	Đường bộ	02 bộ hồ sơ bản vẽ thi công và biện pháp thi công đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (bản chính), phối hợp đi khảo sát hiện trường.
25	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa	1.009442.000.00.00.H06	Đường thủy nội địa	Đi khảo sát hiện trường
26	Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu	1.009443.000.00.00.H06	Đường thủy nội địa	Đi khảo sát hiện trường
27	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	1.009444.000.00.00.H06	Đường thủy nội địa	Đi khảo sát hiện trường
28	Thỏa thuận nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa	1.009445.000.00.00.H06	Đường thủy nội địa	Đi khảo sát hiện trường
29	Công bố chuyên bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bến	1.009446.000.00.00.H06	Đường thủy nội địa	Đi khảo sát hiện trường

	thủy nội địa có quy mô, thông số kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa			
30	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	1.009447.000.00.00.H06	Đường thủy nội địa	Đi khảo sát hiện trường
31	Thiết lập khu neo đậu	1.009448.000.00.00.H06	Đường thủy nội địa	Đi khảo sát hiện trường
32	Công bố hoạt động khu neo đậu	1.009449.000.00.00.H06	Đường thủy nội địa	Đi khảo sát hiện trường
33	Công bố đóng khu neo đậu	1.009450.000.00.00.H06	Đường thủy nội địa	Đi khảo sát hiện trường
34	Thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa đối với công trình xây dựng, hoạt động trên đường thủy nội địa	1.009451.000.00.00.H06	Đường thủy nội địa	Đi khảo sát hiện trường
35	Thông báo luồng đường thủy nội địa chuyên dùng	1.009461.000.00.00.H06	Đường thủy nội địa	Đi khảo sát hiện trường
36	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	1.009452.000.00.00.H06	Đường thủy nội địa	Đi khảo sát hiện trường
37	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	1.009453.000.00.00.H06	Đường thủy nội địa	Đi khảo sát hiện trường
38	Công bố hoạt động bên thủy nội địa	1.009454.000.00.00.H06	Đường thủy nội địa	Đi khảo sát hiện trường
39	Công bố hoạt động bên khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	1.009455.000.00.00.H06	Đường thủy nội địa	Đi khảo sát hiện trường
40	Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương	1.009459.000.00.00.H06	Đường thủy nội địa	Đi khảo sát hiện trường
41	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng	1.009460.000.00.00.H06	Đường thủy nội địa	Đi khảo sát hiện trường
42	Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy	1.009463.000.00.00.H06	Đường thủy nội địa	Đi khảo sát hiện trường

	nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa			
43	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	1.009465.000.00.00.H06	Đường thủy nội địa	Đi khảo sát hiện trường
44	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa	1.009464.000.00.00.H06	Đường thủy nội địa	Đi khảo sát hiện trường
45	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa	1.009462.000.00.00.H06	Đường thủy nội địa	Đi khảo sát hiện trường
46	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	2.001659.000.00.00.H06	Đường thủy nội địa	Đi khảo sát hiện trường
47	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa	1.009458.000.00.00.H06	Đường thủy nội địa	Đi khảo sát hiện trường
48	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa trường hợp không còn nhu cầu tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	1.009458.000.00.00.H06	Đường thủy nội địa	Đi khảo sát hiện trường
49	Phê duyệt phương án trục vớt tài sản chìm đắm	1.002771.000.00.00.H06	Đường thủy nội địa	Đi khảo sát hiện trường
50	Phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường hoặc hàng hóa siêu trọng trên đường thủy nội địa	1.000344.000.00.00.H06	Đường thủy nội địa	Đi khảo sát hiện trường
51	Chấp thuận vị trí đổ chất nạo vét trên bờ đối với hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa	2.001802.000.00.00.H06	Đường thủy nội địa	Đi khảo sát hiện trường
52	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải	2.001219.000.00.00.H06	Đường thủy nội địa	Đi khảo sát hiện trường
53	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải,	2.001218.000.00.00.H06	Đường thủy nội địa	Đi khảo sát hiện trường

	được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát			
54	Thủ tục cấp biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch	1.008027.000.00.00.H06	Du lịch	Phôi, ký trực tiếp. Đi kiểm tra.
55	Thủ tục cấp đổi biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch	1.008028.000.00.00.H06	Du lịch	Phôi, ký trực tiếp. Đi kiểm tra.
56	Thủ tục cấp lại biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch	1.008029.000.00.00.H06	Du lịch	Phôi, ký trực tiếp. Đi kiểm tra.
57	Cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của hệ thống đường địa phương đang khai thác	1.007054	Đường bộ	Đi khảo sát hiện trường
58	Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của hệ thống đường địa phương đang khai thác	1.007051	Đường bộ	Đi khảo sát hiện trường
59	Chấp thuận xây dựng biển quảng cáo trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của hệ thống đường địa phương đang khai thác	1.007052	Đường bộ	Đi khảo sát hiện trường
60	Cấp phép xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất bảo vệ, bảo trì đường bộ của hệ thống đường địa phương đang khai thác	1.007059	Đường bộ	Đi khảo sát hiện trường
61	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của hệ thống đường địa phương đang khai thác	1.007079	Đường bộ	Đi khảo sát hiện trường
62	Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của hệ thống đường địa phương đang khai thác	1007080	Đường bộ	Đi khảo sát hiện trường

3. Sở Khoa học và Công nghệ: 02 TTHC cấp tỉnh

STT	TÊN TTHC (DVCTT)	MÃ SỐ TTHC (DVCTT)	LĨNH VỰC	LÝ DO KHÔNG CUNG CẤP DVCTT TOÀN TRÌNH
1	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	2.002544.000.00.00.H06	Hoạt động khoa học và công nghệ	Phải tổ chức Hội đồng thẩm định
2	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	2.002546.000.00.00.H06	Hoạt động khoa học và công nghệ	Phải tổ chức Hội đồng thẩm định trong trường hợp có thay đổi công nghệ, sản phẩm công nghệ hoặc quy mô sản lượng, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, trình tự thực hiện theo trình tự cấp Giấy chứng nhận

4. Sở Tài nguyên và Môi trường: 89 TTHC (cấp tỉnh: 64 cấp huyện: 22, cấp xã: 03)

a) Cấp tỉnh: 64 TTHC

STT	TÊN TTHC	MÃ SỐ TTHC	LĨNH VỰC	LÝ DO KHÔNG CUNG CẤP DVCTT TOÀN TRÌNH
1	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	1.005398.000.00.00.H06	Đất đai	- Tiến hành xác minh thực địa để xác định diện tích, vị trí đất đăng ký quyền sử dụng đất Theo khoản 1 Điều 8 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT
2	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	2.001938.000.00.00.H06	Đất đai	- Tiến hành xác minh thực địa để xác định diện tích, vị trí đất đăng ký quyền sử dụng đất Theo khoản 1 Điều 8 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT
3	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	1.004203.000.00.00.H06	Đất đai	- Cần phôi GCNQSDĐ để in giấy chứng nhận trường hợp có nhu cầu cấp mới

				GCNQSDĐ theo Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 - Tiến hành xác minh thực địa xác định ranh giới sử dụng đất đối với trường hợp có sai lệch.
4	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu (đối với nơi đã thành lập văn phòng đăng ký đất đai)	1.011616.000.00.00.H06	Đất đai	- Cần phê duyệt GCNQSDĐ để in giấy chứng nhận trường hợp có nhu cầu cấp mới GCNQSDĐ theo Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 - Tiến hành xác minh thực địa xác định ranh giới sử dụng đất đối với trường hợp có sai lệch theo Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP
5	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	1.002255.000.00.00.H06	Đất đai	- Cần phê duyệt GCNQSDĐ để in giấy chứng nhận trường hợp có nhu cầu cấp mới GCNQSDĐ theo Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 - Tiến hành xác minh thực địa xác định ranh giới sử dụng đất đối với trường hợp có sai lệch theo Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP
6	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tặng thêm	2.000889.000.00.00.H06	Đất đai	- Thực hiện chỉnh lý GCNQSDĐ (bản chính) theo quy định tại khoản 6 điều 9 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT. - Cần phê duyệt GCNQSDĐ để in giấy chứng nhận trường hợp có nhu cầu cấp mới GCNQSDĐ theo Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014.

	diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)			- Tiến hành xác minh thực địa xác định ranh giới sử dụng đất đối với trường hợp có sai lệch.
7	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	1.001991.000.00.00.H06	Đất đai	- Thực hiện chỉnh lý GCNQSDĐ (bản chính) theo quy định tại khoản 6 điều 9 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT. - Cần phê duyệt GCNQSDĐ để in giấy chứng nhận trường hợp có nhu cầu cấp mới GCNQSDĐ theo Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014. - Tiến hành xác minh thực địa xác định ranh giới sử dụng đất đối với trường hợp có sai lệch.
8	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp (Cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	2.000880.000.00.00.H06	Đất đai	- Thực hiện chỉnh lý GCNQSDĐ (bản chính) theo quy định tại khoản 6 điều 9 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT. - Cần phê duyệt GCNQSDĐ để in giấy chứng nhận trường hợp có nhu cầu cấp mới GCNQSDĐ theo Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014. - Tiến hành xác minh thực địa xác định ranh giới sử dụng đất đối với trường hợp có sai lệch.
9	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu	1.001134.000.00.00.H06	Đất đai	- Thực hiện chỉnh lý GCNQSDĐ (bản chính) theo quy định tại khoản 6 điều 9 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT.

	tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)			<ul style="list-style-type: none"> - Cần phê duyệt GCNQSDĐ để in giấy chứng nhận trường hợp có nhu cầu cấp mới GCNQSDĐ theo Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 - Tiến hành xác minh thực địa xác định ranh giới sử dụng đất đối với trường hợp có sai lệch.
10	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	1.005194.000.00.00.H06	Đất đai	<ul style="list-style-type: none"> - Cần phê duyệt GCNQSDĐ để in giấy chứng nhận trường hợp có nhu cầu cấp mới GCNQSDĐ theo Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014. - Tiến hành xác minh thực địa xác định ranh giới sử dụng đất đối với trường hợp có sai lệch.
11	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	1.001045.000.00.00.H06	Đất đai	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện chỉnh lý GCNQSDĐ (bản chính) theo quy định tại khoản 6 điều 9 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT. - Cần phê duyệt GCNQSDĐ để in giấy chứng nhận trường hợp có nhu cầu cấp mới GCNQSDĐ theo Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014.
12	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất (đã có Văn phòng đăng ký đất đai - cấp tỉnh)	1.001009.000.00.00.H06	Đất đai	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện chỉnh lý GCNQSDĐ (bản chính) theo quy định tại khoản 6 điều 9 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT. - Cần phê duyệt GCNQSDĐ để in giấy chứng nhận trường hợp có nhu cầu cấp mới GCNQSDĐ theo Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014.

				- Tiến hành xác minh thực địa xác định ranh giới sử dụng đất đối với trường hợp có sai lệch.
13	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	1.001990.000.00.00.H06	Đất đai	- Thực hiện chỉnh lý GCNQSDĐ (bản chính) theo quy định tại khoản 6 điều 9 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT. - Cần phối GCNQSDĐ để in giấy chứng nhận trường hợp có nhu cầu cấp mới GCNQSDĐ theo Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014.
14	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	1.011441.000.00.00.H06	Đăng ký biện pháp bảo đảm	- Thực hiện chỉnh lý GCNQSDĐ (bản chính) theo quy định tại khoản 6 điều 9 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT.
15	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	1.011442.000.00.00.H06	Đăng ký biện pháp bảo đảm	- Thực hiện chỉnh lý GCNQSDĐ (bản chính) theo quy định tại khoản 6 điều 9 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT.
16	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	1.011443.000.00.00.H06	Đăng ký biện pháp bảo đảm	- Thực hiện chỉnh lý GCNQSDĐ (bản chính) theo quy định tại khoản 6 điều 9 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT.
17	Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	1.011444.000.00.00.H06	Đăng ký biện pháp bảo đảm	- Thực hiện chỉnh lý GCNQSDĐ (bản chính) theo quy định tại khoản 6 điều 9 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT.
18	Chuyên tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất	1.011445.000.00.00.H06	Đăng ký biện pháp bảo đảm	- Thực hiện chỉnh lý GCNQSDĐ (bản chính) theo quy định tại khoản 6 điều 9 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT.
19	Cấp, bổ sung, gia hạn, cấp lại, cấp đổi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cấp Trung ương	1.000082.000.00.00.H06	Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	Tổ chức được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ khi có đủ các điều kiện theo Điều Điều 52 Luật số: 27/2018/QH14 ngày 14/6/2018. Theo Điểm c, Khoản 3,

				Điều 33 Nghị định 27/2019/NĐ-CP, Cơ quan thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ thành lập Tổ thẩm định với thành phần không quá 03 người để thẩm định hồ sơ tại trụ sở chính của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.
20	Chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	1.010200.000.00.00.H06	Đất đai	<ul style="list-style-type: none"> - Quy định về việc sử dụng đất thông qua hình thức nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh tại khoản 1 Điều 73 Luật Đất đai năm 2013. - Quy định về điều kiện Tổ chức kinh tế được nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại khoản 1, khoản 2 Điều 193 Luật Đất đai năm 2013. - Do đó, trường hợp đất rừng, đất đồi núi đất, đất gần biên, đất gần sông do các Cơ quan, đơn vị có liên quan có ý kiến theo quy định thì phải tiến hành đi thực địa kiểm tra đủ điều kiện chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp
21	Thủ tục thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (TTHC cấp tỉnh)	1.001007.000.00.00.H06	Đất đai	Trường hợp có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP

				theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất phải nộp bản chính
22	Thủ tục thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (TTHC cấp tỉnh)	1.001039.000.00.00.H06	Đất đai	Trường hợp có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất phải nộp bản chính
23	Thủ tục thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở thuộc dự án nhà ở của tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (TTHC cấp tỉnh)	1.000964.000.00.00.H06	Đất đai	Trường hợp có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất phải nộp bản chính
24	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (cấp tỉnh)	2.001781.000.00.00.H06	Địa chất và khoáng sản	Phải kiểm tra thực địa theo quy định tại Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

25	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình (cấp tỉnh)	1.004446.000.00.00.H06	Địa chất và khoáng sản	Phải kiểm tra thực địa theo quy định tại Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.
26	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản (cấp tỉnh)	2.001783.000.00.00.H06	Địa chất và khoáng sản	Phải kiểm tra thực địa theo quy định tại Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.
27	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (cấp tỉnh)	1.004343.000.00.00.H06	Địa chất và khoáng sản	Phải kiểm tra thực địa theo quy định tại Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.
28	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	1.000778.000.00.00.H06	Địa chất và khoáng sản	Phải kiểm tra thực địa, họp Hội đồng thẩm định theo quy định tại Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.
29	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	1.004481.000.00.00.H06	Địa chất và khoáng sản	Phải kiểm tra thực địa theo quy định tại Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.
30	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản (cấp tỉnh)	1.004135.000.00.00.H06	Địa chất và khoáng sản	Phải kiểm tra thực địa theo quy định tại Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

31	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (cấp tỉnh)	2.001777.000.00.00.H06	Địa chất và khoáng sản	Phải kiểm tra thực địa theo quy định tại Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.
32	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản (cấp tỉnh)	1.005408.000.00.00.H06	Địa chất và khoáng sản	Phải kiểm tra thực địa theo quy định tại Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.
33	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản (cấp tỉnh)	1.004434.000.00.00.H06	Địa chất và khoáng sản	Phải kiểm tra thực địa theo quy định tại Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.
34	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (cấp tỉnh)	1.004433.000.00.00.H06	Địa chất và khoáng sản	Phải kiểm tra thực địa theo quy định tại Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.
35	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (cấp tỉnh)	1.004345.000.00.00.H06	Địa chất và khoáng sản	Phải kiểm tra thực địa theo quy định tại Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.
36	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản (cấp tỉnh)	2.001787.000.00.00.H06	Địa chất và khoáng sản	Phải kiểm tra thực địa, họp Hội đồng thẩm định theo quy định tại Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.
37	Đóng cửa mỏ khoáng sản (cấp tỉnh)	1.004367.000.00.00.H06	Địa chất và khoáng sản	Phải kiểm tra thực địa, họp Hội đồng thẩm định theo quy định tại Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của

				Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.
38	Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch	1.004132.000.00.00.H06	Địa chất và khoáng sản	Phải kiểm tra thực địa theo quy định tại Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.
39	Cấp giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh)	1.005189.000.00.00.H06	Biển và hải đảo	Phải lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan đơn vị có liên qua và đi xác minh thực địa theo quy định tại Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016
40	Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh)	2.000472.000.00.00.H06	Biển và hải đảo	Phải lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan đơn vị có liên qua và đi xác minh thực địa theo quy định tại Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016
41	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh)	1.000969.000.00.00.H06	Biển và hải đảo	Phải lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan đơn vị có liên qua và đi xác minh thực địa theo quy định tại Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016
42	Trả lại giấy phép nhận chìm (cấp tỉnh)	1.000942.000.00.00.H06	Biển và hải đảo	Phải lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan đơn vị có liên qua và đi xác minh thực địa theo quy định tại Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016
43	Cấp lại giấy phép nhận chìm (cấp tỉnh)	2.000444.000.00.00.H06	Biển và hải đảo	Phải lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan đơn vị có liên qua và đi xác minh thực địa theo quy định tại Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016
44	Giao khu vực biển (cấp tỉnh)	1.005401.000.00.00.H06	Biển và hải đảo	Phải lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan đơn vị có liên qua và đi xác minh thực địa theo quy định tại Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016

45	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển (cấp tỉnh)	1.004935.000.00.00.H06	Biển và hải đảo	Phải lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan đơn vị có liên qua và đi xác minh thực địa theo quy định tại Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016
46	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển (cấp tỉnh)	1.005400.000.00.00.H06	Biển và hải đảo	Phải lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan đơn vị có liên qua và đi xác minh thực địa theo quy định tại Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016
47	Trả lại khu vực biển (cấp tỉnh)	1.005399.000.00.00.H06	Biển và hải đảo	Phải lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan đơn vị có liên qua và đi xác minh thực địa theo quy định tại Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016
48	Công nhận khu vực biển cấp tỉnh	1.009481.000.00.00.H06	Biển và hải đảo	Phải lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan đơn vị có liên qua và đi xác minh thực địa theo quy định tại Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016
49	Đăng ký khai thác nước dưới đất (cấp tỉnh)	1.011517.000.00.00.H06	Tài nguyên nước	Phải kiểm tra thực tế hiện trường theo quy định tại Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023
50	Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước biển (cấp tỉnh)	1.011516.000.00.00.H06	Tài nguyên nước	Phải kiểm tra thực tế hiện trường theo quy định tại Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023
51	Trả lại giấy phép tài nguyên nước (cấp tỉnh)	1.011518.000.00.00.H06	Tài nguyên nước	Phải kiểm tra thực tế hiện trường theo quy định tại Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023
52	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	1.004122.000.00.00.H06	Tài nguyên nước	Phải kiểm tra thực tế hiện trường theo quy định tại Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày ngày 11 tháng 7 năm 2014 và Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2022
53	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm (cấp tỉnh)	1.004232.000.00.00.H06	Tài nguyên nước	Phải kiểm tra thực tế hiện trường theo quy định tại Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023

54	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	1.004228.000.00.00.H06	Tài nguyên nước	Phải kiểm tra thực tế hiện trường theo quy định tại Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023
55	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	1.004223.000.00.00.H06	Tài nguyên nước	Phải kiểm tra thực tế hiện trường theo quy định tại Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023
56	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	1.004211.000.00.00.H06	Tài nguyên nước	Phải kiểm tra thực tế hiện trường theo quy định tại Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023
57	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m ³ /ngày đêm; Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m ³ / ngày đêm	1.004179.000.00.00.H06	Tài nguyên nước	Phải kiểm tra thực tế hiện trường theo quy định tại Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023
58	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ / ngày đêm; gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m ³ / ngày đêm	1.004167.000.00.00.H06	Tài nguyên nước	Phải kiểm tra thực tế hiện trường theo quy định tại Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023
59	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ	1.001740.000.00.00.H06	Tài nguyên nước	Phải kiểm tra thực tế hiện trường theo quy định tại Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023

	nguồn nước liên tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên dòng chính lưu vực sông liên tỉnh thuộc trường hợp phải xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không phải là hồ chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước liên tỉnh với lưu lượng khai thác từ 10 m ³ /giây trở lên			
60	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi (TTHC cấp tỉnh)	2.001850.000.00.00.H06	Tài nguyên nước	Phải kiểm tra thực tế hiện trường theo quy định tại Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023
61	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.004257.000.00.00.H06	Đất đai	Theo Điều 69 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014: Cơ quan tài nguyên và môi trường có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ; xác minh thực địa, thẩm định nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất; hướng dẫn người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật; trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; chỉ đạo cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính
62	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao (Đối với dự án đầu tư đã được Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư hoặc Thủ tướng Chính phủ	1.003010.000.00.00.H06	Đất đai	Theo điều 7 của Thông tư 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 Quy định Văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại các Điều 3, 4 và 6 của Thông tư này được lập trên cơ sở hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và ý kiến tại cuộc họp thẩm định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức, cá

	<p>chấp thuận chủ trương đầu tư thì không phải thực hiện thủ tục thẩm định này. Đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực dự án vì mục đích quốc phòng an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng thì nộp hồ sơ thẩm định trong thời gian thực hiện Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để lập Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; đồng thời, chủ đầu tư được tiến hành khảo sát, đo đạc để lập dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng. Thời điểm thẩm định nhu cầu sử dụng đất xin giao đất, cho thuê đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư: khi cấp Giấy chứng nhận đầu tư, thẩm định dự án đầu tư, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc chấp thuận đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về xây dựng. Trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng để thực hiện dự án đầu tư mà phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì thủ tục này chỉ thực hiện sau khi Thủ tướng Chính phủ có văn bản chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có Nghị quyết về việc chuyển mục đích sử dụng đất.)</p>			<p>nhân có liên quan hoặc kết quả kiểm tra thực địa.</p>
63	<p>Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án</p>	1.002040.000.00.00.H06	Đất đai	<p>Trình tự thực hiện của thủ tục quy định Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức giao đất trên thực địa và trao Giấy chứng nhận</p>

	<p>không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao (Đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực dự án vì mục đích quốc phòng an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng thì nộp hồ sơ xin giao đất, thuê đất trong thời gian thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt mà không phải chờ đến khi hoàn thành việc giải phóng mặt bằng)</p>			<p>quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người được giao đất, cho thuê đất.</p>
64	<p>Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao. (Đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực dự án vì mục đích quốc phòng an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng thì nộp hồ sơ xin giao đất, thuê đất trong thời gian thực hiện</p>	1.002253.000.00.00.H06	Đất đai	<p>Trình tự thực hiện của thủ tục quy định Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức giao đất trên thực địa và trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. cho người được giao đất, cho thuê đất.</p>

phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt mà không phải chờ đến khi hoàn thành việc giải phóng mặt bằng.)			
---	--	--	--

b) Cấp huyện: 22 TTHC

STT	TÊN TTHC	MÃ SỐ TTHC	LĨNH VỰC	LÝ DO KHÔNG CUNG CẤP DVCTT TOÀN TRÌNH
1	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu cấp huyện	1.002335.000.00.00.H06	Đất đai	<ul style="list-style-type: none"> - Cần phê duyệt GCNQSDĐ để in giấy chứng nhận trường hợp có nhu cầu cấp mới GCNQSDĐ theo Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 - Tiến hành xác minh thực địa xác định ranh giới sử dụng đất đối với trường hợp có sai lệch theo Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP
2	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu (cấp huyện)	1.002314.000.00.00.H06	Đất đai	<ul style="list-style-type: none"> - Cần phê duyệt GCNQSDĐ để in giấy chứng nhận trường hợp có nhu cầu cấp mới GCNQSDĐ theo Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 - Tiến hành xác minh thực địa xác định ranh giới sử dụng đất đối với trường hợp có sai lệch theo Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP
3	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	1.002291.000.00.00.H06	Đất đai	<ul style="list-style-type: none"> - Cần phê duyệt GCNQSDĐ để in giấy chứng nhận trường hợp có nhu cầu cấp mới GCNQSDĐ theo Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014

				- Tiến hành xác minh thực địa xác định ranh giới sử dụng đất đối với trường hợp có sai lệch theo Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP
4	Thủ tục đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	1.002978.000.00.00.H06	Đất đai	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện chỉnh lý GCNQSDĐ (bản chính) theo quy định tại khoản 6 điều 9 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT. - Cần phôi GCNQSDĐ để in giấy chứng nhận trường hợp có nhu cầu cấp mới GCNQSDĐ. - Tiến hành xác minh thực địa xác định ranh giới sử dụng đất đối với trường hợp có sai lệch.
5	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	1.002969.000.00.00.H06	Đất đai	Cơ quan thanh tra có trách nhiệm kiểm tra, có văn bản kết luận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp không đúng quy định của pháp luật. Mời chủ sử dụng để làm việc và thông báo cho người sử dụng đất biết rõ lý do Căn cứ theo khoản 4 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP sửa đổi bởi khoản 26 Điều 1 Nghị định 148/2020/NĐ-CP
6	Thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân cấp huyện	2.000395.000.00.00.H06	Đất đai	Trong quá trình xử lý hồ sơ, phải yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC hiện diện ở cơ quan nhà nước
7	Thủ tục thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối	1.005187.000.00.00.H06	Đất đai	Trường hợp có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu

	với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam (TTHC cấp huyện)			nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất phải nộp bản chính
8	Thủ tục thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam (TTHC cấp huyện)	1.005367.000.00.00.H06	Đất đai	Trường hợp có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất phải nộp bản chính
9	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyên nước từ nguồn nước nội tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên sông suối nội tỉnh thuộc trường hợp phải xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không phải là hồ chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước nội tỉnh với lưu lượng khai thác từ 10 m ³ /giây trở lên; công trình khai thác, sử dụng	1.001645.000.00.00.H06	Tài nguyên nước	Phải kiểm tra thực tế hiện trường theo quy định tại Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023

	nước dưới đất (gồm một hoặc nhiều giếng khoan, giếng đào, hố đào, hành lang, mạch lộ, hang động khai thác nước dưới đất thuộc sở hữu của một tổ chức, cá nhân và có khoảng cách liền kề giữa chúng không lớn hơn 1.000 m) có lưu lượng từ 12.000 m ³ /ngày đêm trở lên			
10	Đăng ký khai thác nước dưới đất (TTHC cấp huyện)	1.001662.000.00.00.H06	Tài nguyên nước	Phải kiểm tra thực tế hiện trường theo quy định tại Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023
11	Cấp giấy phép môi trường (cấp Huyện)	1.010723.000.00.00.H06	Môi trường	Trong quá trình xử lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ, phải yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC hiện diện ở cơ quan nhà nước; phải tiến hành kiểm tra hoặc khảo sát thực tế
12	Cấp đổi giấy phép môi trường (cấp Huyện)	1.010724.000.00.00.H06	Môi trường	Trong quá trình xử lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ, phải yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC hiện diện ở cơ quan nhà nước; phải tiến hành kiểm tra hoặc khảo sát thực tế
13	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường (cấp Huyện)	1.010725.000.00.00.H06	Môi trường	Trong quá trình xử lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ, phải yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC hiện diện ở cơ quan nhà nước; phải tiến hành kiểm tra hoặc khảo sát thực tế
14	Cấp lại giấy phép môi trường (cấp Huyện)	1.010726.000.00.00.H06	Môi trường	Trong quá trình xử lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ, phải yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC hiện diện ở cơ quan nhà nước; phải tiến hành kiểm tra hoặc khảo sát thực tế
15	Công nhận khu vực biển cấp huyện	1.009482.000.00.00.H06	Biển và hải đảo	Phải lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan đơn vị có liên qua và đi xác minh thực địa theo quy định tại Nghị

				định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021
16	Giao khu vực biển cấp huyện	1.009483.000.00.00.H06	Biển và hải đảo	Phải lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan đơn vị có liên qua và đi xác minh thực địa theo quy định tại Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021
17	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cấp huyện	1.009484.000.00.00.H06	Biển và hải đảo	Phải lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan đơn vị có liên qua và đi xác minh thực địa theo quy định tại Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021
18	Trả lại khu vực biển cấp huyện	1.009485.000.00.00.H06	Biển và hải đảo	Phải lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan đơn vị có liên qua và đi xác minh thực địa theo quy định tại Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021
19	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cấp huyện	1.009486.000.00.00.H06	Biển và hải đảo	Phải lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan đơn vị có liên qua và đi xác minh thực địa theo quy định tại Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021
20	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	2.001234.000.00.00.H06	Đất đai	Theo điều 7 của Thông tư 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 Quy định Văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại các Điều 3, 4 và 6 của Thông tư này được lập trên cơ sở hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và ý kiến tại cuộc họp thẩm định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, tổ

				chức, cá nhân có liên quan hoặc kết quả kiểm tra thực địa.
21	Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân	1.000798.000.00.00.H06	Đất đai	Theo Điều 69 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014: Cơ quan tài nguyên và môi trường có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ; xác minh thực địa, thẩm định nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất; hướng dẫn người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật; trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; chỉ đạo cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính
22	Thủ tục giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	2.000381.000.00.00.H06	Đất đai	Trình tự thực hiện của thủ tục quy định Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức giao đất trên thực địa và trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người được giao đất, cho thuê đất.

c) Cấp xã: 03 TTHC

STT	TÊN TTHC	MÃ SỐ TTHC	LĨNH VỰC	LÝ DO KHÔNG CUNG CẤP DVCTT TOÀN TRÌNH
1	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (Cấp Xã)	1.004082.000.00.00.H06	Môi trường	Trong quá trình xử lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ, phải yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC hiện diện ở cơ quan nhà nước; phải tiến hành kiểm tra hoặc khảo sát thực tế

2	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	1.010736.000.00.00.H06	Môi trường	Trong quá trình xử lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ, phải yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC hiện diện ở cơ quan nhà nước; phải tiến hành kiểm tra hoặc khảo sát thực tế
3	Hòa giải tranh chấp đất đai (cấp xã)	1.003554.000.00.00.H06	Đất đai	Trong quá trình xử lý hồ sơ, phải yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC hiện diện ở cơ quan nhà nước

5. Sở Nội vụ: 24 TTHC (cấp tỉnh: 15, cấp huyện: 09)

a) Cấp tỉnh: 15 TTHC

STT	TÊN TTHC	MÃ SỐ TTHC	LĨNH VỰC	LÝ DO KHÔNG CUNG CẤP DVCTT TOÀN TRÌNH
1	Thủ tục thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.009319.000.00.00.H06	Tổ chức - Biên chế	Trong quá trình giải quyết cần phải lấy ý kiến, tổ chức họp trực tiếp với cơ quan, đơn vị liên quan (trong đó bao gồm cơ quan, đơn vị nộp hồ sơ)
2	Thủ tục thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.009320.000.00.00.H06	Tổ chức - Biên chế	Trong quá trình giải quyết cần phải lấy ý kiến, tổ chức họp trực tiếp với cơ quan, đơn vị liên quan (trong đó bao gồm cơ quan, đơn vị nộp hồ sơ)
3	Thủ tục thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.009321.000.00.00.H06	Tổ chức - Biên chế	Trong quá trình giải quyết cần phải lấy ý kiến, tổ chức họp trực tiếp với cơ quan, đơn vị liên quan (trong đó bao gồm cơ quan, đơn vị nộp hồ sơ)
4	Thủ tục hành chính về thẩm định điều chỉnh vị trí việc làm, điều chỉnh vị trí việc	1.009914.000.00.00.H06	Tổ chức - Biên chế	Trong quá trình giải quyết cần phải lấy ý kiến, tổ chức họp trực tiếp với

STT	TÊN TTHC	MÃ SỐ TTHC	LĨNH VỰC	LÝ DO KHÔNG CUNG CẤP DVCTT TOÀN TRÌNH
	làm thuộc thẩm quyền quyết định của người đứng đầu Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh			Cơ quan, đơn vị liên quan (trong đó bao gồm cơ quan, đơn vị nộp hồ sơ)
5	Thủ tục tiếp nhận vào làm viên chức	1.005393.000.00.00.H06	Công chức, Viên chức	Tổ chức, cá nhân phải lên cơ quan nhà nước để sát hạch
6	Thủ tục thi tuyển viên chức	1.005388.000.00.00.H06	Công chức, Viên chức	Tổ chức, cá nhân phải lên cơ quan nhà nước để sát hạch
7	Thủ tục xét tuyển viên chức	1.005392.000.00.00.H06	Công chức, Viên chức	Tổ chức, cá nhân phải lên cơ quan nhà nước để sát hạch
8	Thủ tục thi tuyển công chức	1.005384.000.00.00.H06	Công chức, Viên chức	Tổ chức, cá nhân phải lên cơ quan nhà nước để sát hạch; hồ sơ thi tuyển công chức được bảo quản theo chế độ mật, ...
9	Thủ tục tiếp nhận vào làm công chức	1.005385.000.00.00.H06	Công chức, Viên chức	Tổ chức, cá nhân phải lên cơ quan nhà nước để sát hạch; hồ sơ tiếp nhận vào làm công chức được bảo quản theo chế độ mật, ...
10	Thủ tục thi nâng ngạch công chức	2.002157.000.00.00.H06	Công chức, Viên chức	Tổ chức, cá nhân phải lên cơ quan nhà nước để sát hạch; quá trình thi tuyển 02 vòng thi, phúc khảo, thẩm định kết quả của Hội đồng thi, ...
11	Thủ tục thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức	1.005394.000.00.00.H06	Công chức, Viên chức	Tổ chức, cá nhân phải lên cơ quan nhà nước để sát hạch; quá trình thi

STT	TÊN TTHC	MÃ SỐ TTHC	LĨNH VỰC	LÝ DO KHÔNG CUNG CẤP DVCTT TOÀN TRÌNH
				tuyển 02 vòng thi, phúc khảo, thẩm định kết quả của Hội đồng thi, ...
12	Thủ tục thành lập tổ chức thanh niên xung phong cấp tỉnh	2.001717.000.00.00.H06	Công tác thanh niên	Trong quá trình giải quyết hồ sơ TTHC cần phải làm việc với tổ chức, cá nhân để xác minh thông tin theo yêu cầu của cơ quan cấp trên và cần phải lấy ý kiến, tổ chức họp trực tiếp với cơ quan, đơn vị liên quan (trong đó bao gồm cơ quan, đơn vị nộp hồ sơ)
13	Thủ tục giải thể tổ chức thanh niên xung phong cấp tỉnh	1.003999.000.00.00.H06	Công tác thanh niên	Trong quá trình giải quyết hồ sơ TTHC cần phải làm việc với tổ chức, cá nhân để xác minh thông tin theo yêu cầu của cơ quan cấp trên và cần phải lấy ý kiến, tổ chức họp trực tiếp với cơ quan, đơn vị liên quan (trong đó bao gồm cơ quan, đơn vị nộp hồ sơ)
14	Thủ tục xác nhận phiên hiệu thanh niên xung phong ở cấp tỉnh	2.001683.000.00.00.H06	Công tác thanh niên	Trong quá trình giải quyết hồ sơ TTHC cần phải làm việc với tổ chức, cá nhân để xác minh thông tin theo yêu cầu của cơ quan cấp trên và cần phải lấy ý kiến, tổ chức họp trực tiếp với cơ quan, đơn vị liên quan (trong đó bao gồm cơ quan, đơn vị nộp hồ sơ)

STT	TÊN TTHC	MÃ SỐ TTHC	LĨNH VỰC	LÝ DO KHÔNG CUNG CẤP DVCTT TOÀN TRÌNH
15	Thủ tục thẩm định thành lập thôn mới, thôn tổ dân phố	2.000465.000.00.00.H06	Chính quyền địa phương	Trong quá trình giải quyết hồ sơ TTHC cần phải làm việc với tổ chức, cá nhân để xác minh thông tin theo yêu cầu của cơ quan cấp trên và cần phải lấy ý kiến, tổ chức họp trực tiếp với cơ quan, đơn vị liên quan (trong đó bao gồm cơ quan, đơn vị nộp hồ sơ)

b) Cấp huyện: 09 TTHC

STT	TÊN TTHC	MÃ SỐ TTHC	LĨNH VỰC	LÝ DO KHÔNG CUNG CẤP DVCTT TOÀN TRÌNH
1	Thủ tục hành chính thẩm định thành lập tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện	1.011262.000.00.00.H06	Tổ chức - Biên chế	Trong quá trình giải quyết cần phải lấy ý kiến, tổ chức họp trực tiếp với cơ quan, đơn vị liên quan (trong đó bao gồm cơ quan, đơn vị nộp hồ sơ).
2	Thủ tục hành chính thẩm định giải thể tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện	1.011263.000.00.00.H06	Tổ chức - Biên chế	Trong quá trình giải quyết cần phải lấy ý kiến, tổ chức họp trực tiếp với cơ quan, đơn vị liên quan (trong đó bao gồm cơ quan, đơn vị nộp hồ sơ).
3	Thủ tục thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện	1.009322.000.00.00.H06	Tổ chức - Biên chế	Trong quá trình giải quyết cần phải lấy ý kiến, tổ chức họp trực tiếp với cơ quan, đơn vị liên quan (trong đó bao gồm cơ quan, đơn vị nộp hồ sơ).

STT	TÊN TTHC	MÃ SỐ TTHC	LĨNH VỰC	LÝ DO KHÔNG CUNG CẤP DVCTT TOÀN TRÌNH
4	Thủ tục thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện	1.009323.000.00.00.H06	Tổ chức - Biên chế	Trong quá trình giải quyết cần phải lấy ý kiến, tổ chức họp trực tiếp với cơ quan, đơn vị liên quan (trong đó bao gồm cơ quan, đơn vị nộp hồ sơ).
5	Thủ tục thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện	1.009324.000.00.00.H06	Tổ chức - Biên chế	Trong quá trình giải quyết cần phải lấy ý kiến, tổ chức họp trực tiếp với cơ quan, đơn vị liên quan (trong đó bao gồm cơ quan, đơn vị nộp hồ sơ).
6	Thủ tục xét tuyển công chức	2.002156.000.00.00.H06	Công chức, Viên chức	Tổ chức, cá nhân phải lên cơ quan nhà nước để sát hạch
7	Thủ tục thi tuyển viên chức	1.005388.000.00.00.H06	Công chức, Viên chức	Tổ chức, cá nhân phải lên cơ quan nhà nước để sát hạch
8	Thủ tục xét tuyển viên chức	1.005392.000.00.00.H06	Công chức, Viên chức	Tổ chức, cá nhân phải lên cơ quan nhà nước để sát hạch
9	Thủ tục tiếp nhận vào làm viên chức	1.005393.000.00.00.H06	Công chức, Viên chức	Tổ chức, cá nhân phải lên cơ quan nhà nước để sát hạch